

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với  
người quản lý, Kiểm soát viên<sup>1</sup> công ty trách nhiệm hữu hạn  
một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ**

Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ<sup>2</sup>.*

---

<sup>1</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>3</sup> công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này sau đây gọi tắt là công ty.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người quản lý, Kiểm soát viên<sup>4</sup> chuyên trách và người quản lý, Kiểm soát viên<sup>5</sup> không chuyên trách, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban kiểm soát; Kiểm soát viên; Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng lao động).

---

<sup>2</sup> Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 21/2024/NĐ-CP), có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024, có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”*

<sup>3</sup>Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>4</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>5</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với công ty (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện chủ sở hữu).

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>6</sup>.

### **Điều 3. Xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách<sup>7</sup>**

1. Căn cứ vào cơ cấu tổ chức quản lý, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xây dựng, ban hành bảng lương và xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

2. Các mức lương trong bảng lương do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định, nhưng phải bảo đảm quỹ tiền lương tính theo các mức lương trong bảng lương không được vượt quá quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Nghị định này.

3. Khi xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận và công khai tại công ty trước khi thực hiện.

### **Điều 4. Nguyên tắc xác định, trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng**

1. Tiền lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>8</sup> chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, có không chế mức hưởng tối đa và bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động trong công ty.

2. Thù lao đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>9</sup> không chuyên trách tại công ty được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% tiền lương của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>10</sup> chuyên trách; đối với người

<sup>6</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>7</sup>Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>8</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>9</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>10</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

quản lý, Kiểm soát viên<sup>11</sup> được cử đại diện vốn góp ở nhiều công ty, doanh nghiệp khác thì khoản thù lao do công ty, doanh nghiệp khác trả được nộp về công ty để chi trả theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhưng tối đa không vượt quá 50% mức tiền lương thực tế được hưởng tại công ty. Phần còn lại (nếu có) được hạch toán vào thu nhập khác của công ty.

3. Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>12</sup> được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động, do công ty xây dựng và trình chủ sở hữu phê duyệt. Hàng tháng, người quản lý, Kiểm soát viên<sup>13</sup> được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

4. Tiền lương, thù lao của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>14</sup> được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

5. Tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>15</sup> được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, được trả một phần vào cuối năm, phần còn lại sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

6. Đối với trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc, Giám đốc thì chỉ được nhận tiền lương của một chức danh cao nhất.

7. Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên xác định theo quy định tại Nghị định này, sau khi trừ khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản khác theo quy định của pháp luật để trích nộp cho cơ quan bảo hiểm, công ty nộp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu để hình thành quỹ chung và chi trả cho Kiểm soát viên theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao<sup>16</sup>.

8.<sup>17</sup> Đối với trường hợp Ban kiểm soát của công ty chỉ có 01 Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp thì Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng của chức danh Trưởng Ban kiểm soát.

---

<sup>11</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>12</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>13</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>14</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>15</sup>Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>16</sup> Nội dung “Đối với Kiểm soát viên tài chính tại tập đoàn kinh tế nhà nước thì nộp cho Bộ Tài chính để đánh giá, chi trả” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>17</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

## Điều 5. Xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch

1. Quỹ tiền lương kế hoạch được xác định trên cơ sở số người quản lý, Kiểm soát viên<sup>18</sup> chuyên trách và mức tiền lương bình quân kế hoạch theo khoản 2 Điều này.

2.<sup>19</sup> Mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định trên cơ sở mức tiền lương cơ bản theo hạng công ty quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản theo mức tăng lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề như sau:

a) Công ty có năng suất lao động không giảm và lợi nhuận kế hoạch cao hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì được áp dụng hệ số tăng thêm không vượt quá hệ số tăng thêm theo quy định như sau:

**Bảng hệ số tăng thêm**

Hệ số tăng thêm	0,5	1,0	1,5	2,0	2,5
Mức lợi nhuận theo nhóm lĩnh vực hoạt động					
1. Nhóm 1: Ngân hàng, tài chính (không bao gồm tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán, lưu ký chứng khoán), viễn thông	Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.500 tỷ đồng	Từ 1.500 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 đến dưới 3.000 tỷ đồng	Từ 3.000 tỷ đồng trở lên
2. Nhóm 2: Khai thác và chế biến dầu khí, khoáng sản, điện, thương mại, dịch vụ	Dưới 300 tỷ đồng	Từ 300 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 1.500 tỷ đồng	Từ 1.500 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
3. Nhóm 3: Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán, lưu ký chứng khoán và các lĩnh vực còn lại	Dưới 200 tỷ đồng	Từ 200 đến dưới 700 tỷ đồng	Từ 700 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 1.500 tỷ đồng	Từ 1.500 tỷ đồng trở lên

Trường hợp công ty có lợi nhuận kế hoạch cao hơn nhiều lần so với mức lợi nhuận thấp nhất tương ứng với hệ số tăng thêm 2,5 trong Bảng hệ số tăng thêm, giữ vai trò trọng yếu trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động trong lĩnh

<sup>18</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>19</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

vực mà các doanh nghiệp trên thị trường đang trả lương cho lao động quản lý cao hơn so với chức danh tương đương của công ty, cần thiết áp dụng cao hơn hệ số tăng thêm theo quy định để khuyến khích lao động quản lý thì báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu khi xem xét, quyết định quỹ tiền lương của người quản lý, Kiểm soát viên phù hợp với mặt bằng tiền lương của chức danh tương đương cùng lĩnh vực hoạt động trên thị trường, sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để bảo đảm cân đối chung.

b) Công ty có lợi nhuận kế hoạch không cao hơn so với lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề thì được áp dụng hệ số tăng thêm không vượt quá mức 70% hệ số tăng thêm tương ứng với mức lợi nhuận trong Bảng hệ số tăng thêm quy định tại điểm a khoản này nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận kế hoạch so với lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề.

c) Công ty không có lợi nhuận thì mức tiền lương bình quân kế hoạch phải thấp hơn mức tiền lương cơ bản, nhưng không thấp hơn 50% mức tiền lương cơ bản. Trường hợp lỗ thì mức tiền lương bình quân kế hoạch bằng 50% mức tiền lương cơ bản.

d) Công ty giảm lỗ so với thực hiện năm trước liền kề, công ty mới thành lập hoặc mới hoạt động thì căn cứ vào mức độ giảm lỗ hoặc kế hoạch sản xuất, kinh doanh để xác định tiền lương, bảo đảm tương quan chung và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét quyết định.

đ) Đối với trường hợp lợi nhuận kế hoạch bằng hoặc cao hơn lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề, sau khi xác định theo điểm a và điểm b khoản này mà mức tiền lương bình quân kế hoạch thấp hơn mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được tính bằng mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề.

3. Công ty sản xuất, kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ nhà nước có quy định hạn mức sản xuất, kinh doanh dẫn đến năng suất lao động, lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề không tăng thì được tính mức tăng tiền lương bình quân tối đa không vượt quá mức tăng chỉ số giá tiêu dùng dự báo trong năm theo Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm.

4. Công ty thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch<sup>20</sup> thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu khối lượng sản phẩm, dịch vụ, nhiệm vụ, trong đó khối lượng sản phẩm, dịch vụ, nhiệm vụ không thấp hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân thực hiện được tính tối đa bằng mức lương cơ bản nhân với chỉ số giá tiêu dùng dự báo trong năm theo Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển

---

<sup>20</sup> Nội dung “hoặc công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

kinh tế xã hội hàng năm. Mức tiền lương cụ thể do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phù hợp với mặt bằng tiền lương trên địa bàn.

4a.<sup>21</sup> Công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, khi xác định tiền lương theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí

5. Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>22</sup> không chuyên trách được tính trên cơ sở số người quản lý, Kiểm soát viên<sup>23</sup> không chuyên trách, thời gian làm việc và mức thù lao theo Khoản 2, Điều 4 Nghị định này.

6.<sup>24</sup> Khi xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên, công ty loại trừ các yếu tố khách quan (nếu có) ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận kế hoạch so với thực hiện của năm trước liền kề, bao gồm:

a) Nhà nước điều chỉnh giá, hạn mức sản xuất, kinh doanh (đối với sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá hoặc quy định hạn mức sản xuất, kinh doanh), ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng hoặc giảm vốn nhà nước, yêu cầu công ty di dời, thu hẹp địa điểm sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh cơ chế, chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu năng suất lao động và lợi nhuận của công ty.

b) Công ty tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, cân đối cung cầu cho nền kinh tế theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện việc đầu tư, tiếp nhận hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ; tiếp nhận, mua, bán, khoan, giãn và xử lý nợ, tài sản, mua, bán sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện điều khoản về hồi tố theo quy định của Chính phủ; tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh theo quy định của pháp luật về thuế; điều chỉnh chính sách hoạt động theo các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các Hiệp định, Hiệp ước hoặc quy định của tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thực hiện đề án cơ cấu lại, bổ sung hoặc thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác; đầu tư mới, mở rộng sản xuất, kinh doanh; điều chỉnh hoặc phát sinh mới trích dự phòng rủi ro tài chính, tín dụng theo quy định của pháp luật; cung cấp sản

<sup>21</sup>Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>22</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>23</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>24</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

phẩm, dịch vụ do nhà nước định giá và cơ chế điều chỉnh giá nhưng chưa được điều chỉnh giá đủ bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý khi yếu tố hình thành giá thay đổi theo quy định của Luật Giá; thực hiện phân bổ chi phí các dự án tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí không thành công theo quy định của Chính phủ, xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo hợp đồng dầu khí đối với công ty tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về thuế; doanh số mua nợ, xử lý nợ chưa được ghi nhận vào doanh thu, lợi nhuận đối với công ty mua bán nợ theo quy định của pháp luật; biến động doanh thu từ hoạt động tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán và các hoạt động nghiệp vụ lưu ký chứng khoán; chênh lệch trả thưởng so với thực hiện năm trước đối với công ty kinh doanh xổ số; thay đổi môi trường, điều kiện khai thác khoáng sản đối với công ty khai thác khoáng sản.

c) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác.

## **Điều 6. Xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện**

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>25</sup> chuyên trách được căn cứ vào số người quản lý, Kiểm soát viên<sup>26</sup> chuyên trách và mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu quy định tại Điều 5 Nghị định này, trong đó nếu lợi nhuận thực hiện (sau khi loại trừ yếu tố khách quan theo quy định) vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ vượt 1% lợi nhuận, người quản lý, Kiểm soát viên<sup>27</sup> được tính thêm tối đa 1% tiền lương, nhưng không quá 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch.

2. Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>28</sup> không chuyên trách được tính trên cơ sở số người quản lý, Kiểm soát viên<sup>29</sup> không chuyên trách, thời gian làm việc và mức thù lao theo khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

3. Công ty phải đánh giá việc thực hiện các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch để loại trừ khi xác định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.

---

<sup>25</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>26</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>27</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>28</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>29</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.



4. Căn cứ quỹ tiền lương, thù lao thực hiện và quỹ tiền lương, thù lao đã tạm ứng cho người quản lý, Kiểm soát viên<sup>30</sup>, công ty xác định quỹ tiền lương, thù lao còn lại được hưởng. Trường hợp đã tạm ứng vượt quá quỹ tiền lương, thù lao thực hiện thì phải hoàn trả phần tiền lương, thù lao đã chi vượt ngay trong năm.

### **Điều 7. Quỹ tiền thưởng**

1. Quỹ tiền thưởng hàng năm của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>31</sup> chuyên trách và không chuyên trách thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Quỹ tiền thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, hàng năm được trích 90% để thưởng cuối năm. Phần tiền thưởng còn lại (10%) được dùng để thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của cả nhiệm kỳ của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>32</sup>.

### **Điều 8. Trả lương, thù lao, tiền thưởng**

1. Tiền lương, tiền thưởng được trả cho người quản lý, Kiểm soát viên<sup>33</sup> gắn với mức độ đóng góp vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>34</sup> theo quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của công ty.

2. Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng được xây dựng theo quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn công ty và có ý kiến chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi thực hiện.

### **Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

a) Quý I hàng năm, xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>35</sup> gắn với kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

b) Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh, xác định quỹ

---

<sup>30</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>31</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>32</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>33</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>34</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>35</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chậm nhất vào quý I năm sau liền kề. Đối với công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng công ty hạng đặc biệt và Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích giữ vai trò trọng yếu của nền kinh tế thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi.

c) Xác định, trích nộp khoản tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên cho cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định này.

d) Xây dựng quy chế, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở đó quyết định mức thù lao được hưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>36</sup> được cử đại diện vốn góp ở nhiều công ty, doanh nghiệp khác.

đ) Xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>37</sup> và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi thực hiện.

e) Cung cấp các tài liệu, báo cáo có liên quan đến tình hình thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng khi Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên yêu cầu.

g) Quý II hàng năm, tổng hợp tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng người quản lý, Kiểm soát viên<sup>38</sup> để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu; công khai trên trang thông tin điện tử (Website) của công ty theo quy định của pháp luật.

## 2. Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc theo quy định tại Nghị định này.

b) Kiến nghị với Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc hoặc báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu khi phát hiện nội dung thực hiện không đúng quy định của Nhà nước.

## 3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Quý I hàng năm, tiếp nhận, xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>39</sup>. Đối với quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>40</sup> công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế thì cơ quan đại diện

<sup>36</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>37</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>38</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>39</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>40</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Chủ sở hữu phê duyệt sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, sau khi phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>41</sup> công ty mẹ - Tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng công ty hạng đặc biệt và Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích giữ vai trò trọng yếu của nền kinh tế để tổng hợp, theo dõi.

c) Xây dựng quy chế đánh giá Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên; tiếp nhận và quản lý khoản tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên do công ty trích nộp; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

Trường hợp Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên không hoàn thành nhiệm vụ thì tùy theo mức độ hoặc sai phạm để quyết định hình thức kỷ luật không tăng lương, kéo dài thời hạn nâng bậc lương, giảm trừ tiền lương, tiền thưởng, thù lao, hạ bậc lương, khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

d) Cho ý kiến về quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của công ty; công khai quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng và mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng người quản lý, Kiểm soát viên<sup>42</sup> trên trang thông tin điện tử (Website) của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định, đồng thời tổng hợp gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, theo dõi.

đ) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong các công ty thuộc quyền quản lý.

#### 4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan hướng dẫn thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Nghị định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ xem xét, điều chỉnh mức lương cơ bản của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>43</sup> cho phù hợp với thực tế của từng thời kỳ.

c) Tham gia ý kiến để cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định quỹ tiền lương, thù lao đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>44</sup> công ty mẹ - Tập đoàn

---

<sup>41</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>42</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>43</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>44</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

kinh tế; phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>45</sup> công ty mẹ của Tổng công ty hạng đặc biệt và Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích giữ vai trò trọng yếu trong nền kinh tế.

d) Chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn xếp hạng công ty làm cơ sở để xếp lương, xác định mức lương cơ bản đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>46</sup> theo quy định tại Nghị định này.

đ) Phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong các công ty. Trường hợp phát hiện việc xác định quỹ tiền lương, thù lao không đúng quy định thì có ý kiến đề cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo công ty điều chỉnh hoặc xuất toán theo quy định.

e) Tổng hợp tình hình tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>47</sup> và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 5. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các Bộ ngành liên quan hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định tại Nghị định này<sup>48</sup>.

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tiêu chuẩn xếp hạng công ty làm cơ sở để xếp lương, xác định mức lương cơ bản đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>49</sup>.

## **Điều 10. Hiệu lực thi hành<sup>50</sup>**

<sup>45</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>46</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>47</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>48</sup> Nội dung “tiếp nhận, quản lý và chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên tài chính do tập đoàn kinh tế nhà nước trích nộp” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>49</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>50</sup> Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 quy định như sau:

### **“Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Các chế độ về quỹ tiền lương, trả lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại khoản 2 Điều 1, các khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 10 Điều 2 Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định tại Nghị định này.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016. Các chế độ quy định tại Nghị định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3.<sup>51</sup> *(được bãi bỏ)*

4. Tập đoàn Viễn thông Quân đội tiếp tục áp dụng thí điểm quản lý tiền lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>52</sup> theo quy định của Chính phủ.

5. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ của công ty tại Điều 1 Nghị định này, căn cứ vào nội dung quy định tại Nghị định này để tổ chức thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>53</sup> công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

6. Đối với tổ chức được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy

2. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đang áp dụng cơ chế tiền lương theo khoản 6 Điều 10 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP thì tiếp tục áp dụng hệ số tăng thêm tiền lương tối đa không quá 1,0 lần mức tiền lương cơ bản để xác định tiền lương của người quản lý, Kiểm soát viên của quỹ.

3. Đối với các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, khi có yếu tố khách quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, làm biến động doanh thu tăng trên 7% hoặc giảm trên 3% thì phải loại trừ phần doanh thu tăng trên 7% (đối với trường hợp doanh thu tăng trên 7%) hoặc được tính phần doanh thu giảm trên 3% (đối với trường hợp doanh thu giảm trên 3%) vào chỉ tiêu doanh thu làm căn cứ xác định năng suất lao động, lợi nhuận gắn với tiền lương của người lao động, người quản lý và Kiểm soát viên.

4. Đối với các tổ chức quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, khoản 6 Điều 10 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo cơ chế tiền lương do Chính phủ quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và Nghị định này, gắn với năng suất lao động, hiệu quả hoạt động và phù hợp với tính chất đặc thù của các tổ chức này, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm tiếp nhận, rà soát, kiểm tra, giám sát báo cáo về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương của người lao động; tiếp nhận, xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên Ngân hàng Chính sách xã hội, sau khi trao đổi với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan, hướng dẫn quản lý tiền lương đối với Đài Truyền hình Việt Nam theo cơ chế tiền lương quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định này, gắn với năng suất lao động và hiệu quả hoạt động, phù hợp với tính chất đặc thù của Đài”.

<sup>51</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>52</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>53</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

định của Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật bảo hiểm tiền gửi, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức xử lý mua bán nợ của Nhà nước đang áp dụng cơ chế tiền lương theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, căn cứ các nguyên tắc quy định tại Nghị định này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên<sup>54</sup> gắn với hiệu quả hoạt động phù hợp với tính chất đặc thù của các tổ chức, sau khi thống nhất ý kiến với các bộ ngành liên quan.

7. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội xem xét, quyết định việc áp dụng các quy định tại Nghị định này đối với người quản lý, Kiểm soát viên<sup>55</sup> công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội nắm giữ 100% vốn điều lệ.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

Số: 2650/VBHN-BLĐTBXH

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐTCP (để đăng tải);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin, BLĐTBXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, CQHLĐTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Văn Thanh**

<sup>54</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>55</sup> Cụm từ “người quản lý” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

**Phụ lục I****HẠNG CÔNG TY<sup>56</sup>**

*(Kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ)*

**1<sup>57</sup>. Sử dụng hạng công ty:** Hạng công ty được dùng để xác định mức tiền lương cơ bản của người quản lý, Kiểm soát viên chuyên trách

**2. Hạng công ty:**

a) Hạng Tập đoàn kinh tế được áp dụng đối với công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước.

b) Hạng Tổng công ty đặc biệt áp dụng đối với công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con đủ các điều kiện: Giữ vai trò trọng yếu trong nền kinh tế; Có vốn nhà nước từ 2.500 tỷ đồng trở lên, lợi nhuận (hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) từ 200 tỷ đồng trở lên, có từ 10 đơn vị thành viên (hạch toán độc lập và phụ thuộc) trở lên hoặc có tổ chức sản xuất, kinh doanh trên phạm vi cả nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Các chỉ tiêu về vốn, lợi nhuận hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, được tính bình quân 03 năm<sup>58</sup>.

Công ty đủ điều kiện nêu trên thì đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu đề thống nhất ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Hạng Tổng công ty và tương đương áp dụng đối với công ty mẹ được chuyển đổi từ Tổng công ty nhà nước hoặc chuyển đổi từ công ty nhà nước đã được xếp lương theo hạng Tổng công ty; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con đủ các điều kiện: Giữ vai trò trọng yếu trong nền kinh tế, có vốn nhà

<sup>56</sup> Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>57</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

<sup>58</sup> Nội dung “lợi nhuận từ 200 tỷ đồng trở lên, nộp ngân sách nhà nước từ 200 tỷ đồng trở lên (các chỉ tiêu về vốn, lợi nhuận và nộp ngân sách tính bình quân 03 năm) và có từ 10 đơn vị thành viên hoặc có tổng số lao động của công ty mẹ và của đơn vị thành viên từ 10.000 người trở lên” được sửa đổi, bổ sung thành “lợi nhuận (hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) từ 200 tỷ đồng trở lên, có từ 10 đơn vị thành viên (hạch toán độc lập và phụ thuộc) trở lên hoặc có tổ chức sản xuất, kinh doanh trên phạm vi cả nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Các chỉ tiêu về vốn, lợi nhuận hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, được tính bình quân 03 năm” theo quy định tại điểm 3 Phụ lục kèm theo Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

nước từ 1.800 tỷ đồng trở lên, lợi nhuận (hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) từ 100 tỷ đồng trở lên, có từ 5 đơn vị thành viên (hạch toán độc lập và phụ thuộc) trở lên hoặc có tổ chức sản xuất, kinh doanh trên phạm vi cả nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Các chỉ tiêu về vốn, lợi nhuận hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, được tính bình quân 03 năm<sup>59</sup>.

Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con đủ điều kiện nêu trên thì đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

d) Hạng công ty I, II, III áp dụng đối với công ty đủ điều kiện theo tiêu chuẩn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

đ) Xếp lại hạng Tổng công ty đặc biệt, Tổng công ty:

Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con, sau thời gian 03 năm kể từ ngày được xếp hạng Tổng công ty đặc biệt, Tổng công ty thì phải rà soát lại các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn xếp hạng để định lại hạng doanh nghiệp. Trường hợp vẫn đủ các điều kiện theo hạng đang xếp thì báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tiếp tục xếp hạng Tổng công ty đặc biệt, Tổng công ty sau khi thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp không đủ các điều kiện theo hạng đang xếp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xếp hạng thấp hơn theo quy định.

---

<sup>59</sup> Nội dung “lợi nhuận từ 100 tỷ đồng trở lên, nộp ngân sách nhà nước từ 100 tỷ đồng trở lên và có từ 5 đơn vị thành viên hoặc có tổng số lao động của công ty mẹ và của đơn vị thành viên từ 7.000 người trở lên” được sửa đổi, bổ sung thành “lợi nhuận (hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận) từ 100 tỷ đồng trở lên, có từ 5 đơn vị thành viên (hạch toán độc lập và phụ thuộc) trở lên hoặc có tổ chức sản xuất, kinh doanh trên phạm vi cả nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Các chỉ tiêu về vốn, lợi nhuận hoặc chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí đối với công ty hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, được tính bình quân 03 năm” theo quy định tại điểm 4 Phụ lục kèm theo Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.



**Phụ lục II**  
**BẢNG MỨC TIỀN LƯƠNG CƠ BẢN ĐỂ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG CỦA**  
**NGƯỜI QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN<sup>60</sup> CHUYÊN TRÁCH**  
*(Kèm theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP*  
*ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ)*

*Đơn vị: triệu đồng/tháng*

Chức danh	Mức tiền lương					
	Hạng công ty		Công ty			
	Tập đoàn kinh tế	Tổng công ty đặc biệt	Tổng công ty và tương đương	I	II	III
1. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách	36	33	31	27	25	22
2. Tổng giám đốc hoặc Giám đốc	35	32	30	26	24	21
3. Trưởng ban kiểm soát	33	30	28	24	22	19
4. Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc	32	29	27	23	21	18
5. Kế toán trưởng	29	27	25	21	19	16

<sup>60</sup> Cụm từ “người quản lý công ty” được thay thế bằng cụm từ “người quản lý, Kiểm soát viên” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 21/2024/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.